TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26-02-2026
V/v *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*** **có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tèo;

Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Bảo Việt là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa*****:** Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 561/2025/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2026/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp V, xã BC, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đặng Duy L, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp PH, xã PT, tỉnh Tây Ninh. Chứng minh nhân dân: 290641089. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2025 và bản tự khai - nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Đặng Duy L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (nay là xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh). Trong thời gian sống chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất động quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã

sống ly thân từ tháng 7/2013 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Thị Hoài T, sinh ngày 27/9/2001 vả Đặng Minh T1, sinh ngày 23/02/2005, hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh L. Về con chung: đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đặng Duy L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi nhận lời khai của anh L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Đặng Duy L.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Án phí được tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Đặng Duy L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh L là phù hợp quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Duy L chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo chị N trình bày là do vợ chồng tính tình không

hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Chị N và anh L sống ly thân từ tháng 7/2013 cho đến nay. Chị N yêu cầu ly hôn với anh L. Anh L mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến tham gia phiên tòa thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Xét thấy hôn nhân của chị N và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Thị Hoài T, sinh ngày 27/9/2001 vả Đặng Minh T1, sinh ngày 23/02/2005 hiện đã thành niên và có khả năng lao động được tự nuôi sống mình nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Đặng Duy L.

Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đặng Duy L.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Thị Hoài T, sinh ngày 27/9/2001 vả Đặng Minh T1, sinh ngày 23/02/2005 hiện đã thành niên và có khả năng lao động được tự nuôi sống mình nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0010464 ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự

vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 -Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Phước Thạnh;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm